

Số: **575** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **29** tháng **8** năm 2018

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Phương Đông Vina và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 22/8/2018,

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Phương Đông Vina

Địa chỉ: Thôn Thổ Cốc, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế: 0901029597

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Thôn Thổ Cốc, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

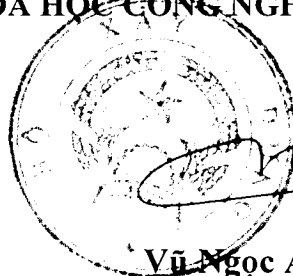
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1788**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Phương Đông Vina;
- SXD tỉnh Hưng Yên;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Vũ Ngọc Anh**

# DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1788

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
số: 575 /GCN-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2018)*

| TT       | Tên chỉ tiêu thí nghiệm                                                     | Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)                                         |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG</b>                                                   |                                                                 |
| 1.1      | Xác định giới hạn bền khi nén                                               | TCVN 3118:1993<br>ASTM C39                                      |
| 1.2      | Thử nhỏ kiểm tra cường độ liên kết của cốt thép, thanh ren hoặc bu lông     | BS 8539                                                         |
| <b>2</b> | <b>THỬ NGHIỆM CƠ HỌC VẬT LIỆU KIM LOẠI</b>                                  |                                                                 |
| 2.1      | Thử kéo vật liệu kim loại ở nhiệt độ thường                                 | TCVN 197-1:2014<br>ISO 6892-1:2009<br>ASTM E8/E8M<br>JIS Z 2241 |
| 2.2      | Thử uốn vật liệu kim loại                                                   | TCVN 198:2008<br>ISO 7438:2005<br>JIS Z 2248                    |
| <b>3</b> | <b>LIÊN KẾT HÀN</b>                                                         |                                                                 |
| 3.1      | Thử độ bền kéo                                                              | AWS D1.1/D1.1M<br>ASME BPVC-IX                                  |
| 3.2      | Thử uốn cong và nứt                                                         | AWS D1.1/D1.1M<br>ASME BPVC-IX                                  |
| <b>4</b> | <b>THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>           |                                                                 |
| 4.1      | Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm (UT)                   | TCVN 1548:1987<br>ASME BPVC-V                                   |
| 4.2      | Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Kiểm tra mối hàn bằng chụp tia bức xạ (RT) | ASTM E94<br>ASME BPVC-V<br>AWS D1.1/D1.1M                       |
| 4.3      | Kiểm tra không phá hủy - Phương pháp thẩm thấu (PT)                         | ASTM E165<br>ASME BPVC-V<br>AWS D1.1/D1.1M                      |
| 4.4      | Kiểm tra không phá hủy. Phương pháp dùng bột từ (MT)                        | ASTM E709<br>ASME BPVC-V<br>AWS D1.1/D1.1M                      |

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Đơn vị: Vụ KHCN&amp;MT

Ngày trình văn bản: 24/8/2018

Kính trình: Thứ trưởng Lê Quang Hùng

Vấn đề trình: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động TN chuyên ngành xây dựng

**Ý kiến của đơn vị chủ trì soạn thảo:****1. Tóm tắt nội dung và kiến nghị giải quyết:**

Bộ Xây dựng nhận được Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Phương Đông Vina có địa chỉ tại tỉnh Hưng Yên, đề nghị cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho PTN chuyên ngành xây dựng do công ty quản lý.

Sau khi xem xét và hướng dẫn đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Vụ KHCN&MT đã tiến hành đánh giá tại cơ sở. Căn cứ vào kết quả đánh giá đạt yêu cầu, Vụ KHCN&MT đã soạn dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và đề xuất Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đạt yêu cầu kèm theo Giấy chứng nhận cho tổ chức nêu trên.

Kính trình Thứ trưởng xem xét ủy quyền Vụ trưởng Vụ KHCN&MT ký ban hành.

**2. Cơ sở ban hành văn bản:**

- Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013
- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
- Thông báo kế hoạch đánh giá PTN số 545/BXD-KHCN ngày 17/8/2018
- Biên bản đánh giá Phòng thí nghiệm tại Thôn Thổ Cốc, xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên ngày 22/8/2018.

**3. Ý kiến tham gia của các đơn vị phối hợp:****4. Chuyên viên soạn thảo văn bản:**

Nguyễn Thị Minh Phương

**5. Xác định mức độ mật của văn bản:**

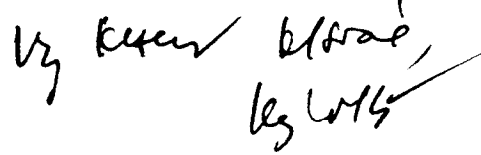
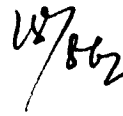
Thường

Mật

Tối mật

**6. Lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản:**

Phó Vụ trưởng: Nguyễn Quang Minh

**Ý kiến giải quyết của Lãnh đạo Bộ:****7. Thời gian trình và người tiếp nhận:****7.1. Thời gian trình:**

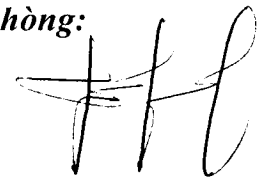
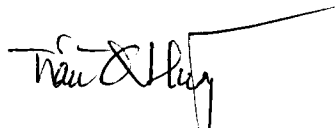
| Lần 1 | Lần 2 | Lần 3 | Lần 4 |
|-------|-------|-------|-------|
| 24/8  |       |       |       |

**7.2. Người tiếp nhận:****8. Chuyên viên tổng hợp:**

27.8

**9. Vụ Pháp chế thẩm định văn bản QPPL:****10. Ý kiến Lãnh đạo Văn phòng:**

28.8

**11. Lưu văn bản trên mạng XDNET01:**

11.1 Có lưu trên mạng:



11.2. Không lưu trên mạng:

